

Số: 58/2024/QĐST-HNGĐ

Phù Cù, ngày 25 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ, TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ vào các điều 212, 213; khoản 4 Điều 397; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 67/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận việc nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1995;

Nơi đăng ký HKTT: thôn Đ, xã Đ1, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

Địa chỉ: thôn C, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

- Anh **Bùi Đăng Q**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ1, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị N và anh Bùi Đăng Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện P, tỉnh Hưng Yên vào ngày 01/10/2021 theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Q là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn do thời gian tìm hiểu quá ngắn, chưa hiểu hết tính cách của nhau; khi về chung sống không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra to tiếng với nhau và vợ chồng sống không có tình cảm, hạnh phúc. Chị N và anh Q đã sống ly thân nhau từ tháng 09/2023 đến nay, mỗi người ở một nơi không còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị N và anh Q đều thống nhất thuận tình

ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận. Xét việc thuận tình ly hôn là sự tự nguyện của chị N và anh Q, nên cần được chấp nhận.

[2]. Về con chung: chị Trần Thị N và anh Bùi Đăng Q đều khẳng định vợ chồng có 01 con chung là cháu: Bùi Trần Khánh N1, sinh ngày 28/5/2022. Nay vợ chồng ly hôn, chị N và anh Q thống nhất thỏa thuận: giao con chung cháu Bùi Trần Khánh N1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N1 đến khi đủ 18 tuổi. Anh Bùi Đăng Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị N và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung: chị Trần Thị N và anh Bùi Đăng Q đều xác định không có gì và không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[4]. Về lệ phí Tòa án: chị Trần Thị N và anh Bùi Đăng Q thống nhất thỏa thuận: chị N tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật, xét đây là sự thỏa thuận của các bên đương sự nên cần được chấp nhận.

[5]. Ngày 17/7/2024, Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên đã tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ nhưng không thành. Chị N và anh Q vẫn giữ nguyên yêu cầu thuận tình ly hôn và thỏa thuận giải quyết toàn bộ việc dân sự.

[6]. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17/7/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội,

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị N và anh Bùi Đăng Q tự nguyện thỏa thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị Trần Thị N và anh Bùi Đăng Q đều khẳng định vợ chồng có 01 con chung là cháu: Bùi Trần Khánh N1, sinh ngày 28/5/2022. Nay vợ chồng ly hôn, chị N và anh Q thống nhất thỏa thuận: Giao con chung cháu Bùi Trần Khánh N1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N1 đến khi đủ 18 tuổi. Anh Bùi Đăng Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị N và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: chị Trần Thị N và anh Bùi Đăng Q đều xác định không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: chị Trần Thị N và anh Bùi Đăng Q thỏa thuận: chị N tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ, (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải

quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình, được đối trừ vào khoản tiền chị N đã nộp tạm ứng lệ phí là 300.000đ, (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001263 ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên. Chị Trần Thị N đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên (phòng KTNV);
- VKSND huyện Phù Cừ;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Phù Cừ;
- UBND xã Đ1, P;
- Lưu hồ sơ việc dân sự

THẨM PHÁN

Trần Đình Hiền